

Số: 4306 /BGDĐT-NGCBQLGD

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

V/v bổ nhiệm CDNN giáo viên
mầm non, phổ thông

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 14/4/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/5/2023). Trong quá trình địa phương triển khai thực hiện các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được nội dung hỏi của giáo viên và cơ quan quản lý các cấp về một số quy định liên quan đến bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp (CDNN). Để bảo đảm thực hiện thống nhất các quy định về tiêu chuẩn CDNN trong bổ nhiệm, xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo làm rõ một số nội dung như sau:

1. Về quy định chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN

1.1. Về quy định chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN khi bổ nhiệm CDNN tương ứng và chuyển hạng CDNN

a) Khi bổ nhiệm, chuyển xếp CDNN giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở từ các Thông tư liên tịch số 20/2015/TT-BGDĐT-BNV, 21/2015/TT-BGDĐT-BNV, 22/2015/TT-BGDĐT-BNV sang CDNN tương ứng theo quy định tại các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT chỉ căn cứ vào tiêu chuẩn trình độ đào tạo và thời gian giữ hạng thấp hơn liền kề, không yêu cầu giáo viên phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN của hạng được bổ nhiệm.

b) Khi thực hiện việc chuyển hạng CDNN cho các trường hợp giáo viên chưa được bổ nhiệm CDNN đúng với cấp học đang giảng dạy hoặc thay đổi vị trí việc làm mà CDNN đang giữ không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm mới không yêu cầu giáo viên phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN của vị trí việc làm được chuyển.

c) Sau khi được bổ nhiệm, chuyển xếp CDNN, nếu giáo viên có nhu cầu đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên hạng CDNN cao hơn liền kề thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN theo quy định.

1.2. Việc xác định tương đương đối với các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN từng hạng

a) Các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên mầm non, phổ thông (theo hạng) cấp trước ngày 30/6/2022 được xác định là tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên mầm non, phổ thông theo quy định của mỗi cấp học. Chứng chỉ này được dùng để bổ nhiệm CDNN và tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng CDNN.

Ví dụ: Giáo viên A đã được bổ nhiệm CDNN giáo viên mầm non hạng II. Giáo viên A đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên mầm non hạng II và hạng III được cấp trước ngày 30/6/2022, giáo viên A được sử dụng một trong các chứng chỉ bồi dưỡng này để đăng ký tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng lên CDNN giáo viên mầm non hạng I.

b) Trường hợp giáo viên có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên mầm non, phổ thông (theo hạng) cấp từ ngày 30/6/2022 cho đến ngày 11/7/2023¹ thì liên hệ với cơ sở bồi dưỡng (nơi cấp chứng chỉ) để được bồi dưỡng cập nhật và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng thay thế.

2. Về yêu cầu khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số

a) Như đã nêu tại điểm a mục 1.1, khi bổ nhiệm, chuyển xếp CDNN giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở từ các Thông tư liên tịch số 20/2015/TT-BGDĐT-BNV, 21/2015/TT-BGDĐT-BNV, 22/2015/TT-BGDĐT-BNV sang CDNN tương ứng theo quy định tại các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT chỉ căn cứ vào tiêu chuẩn trình độ đào tạo và thời gian giữ hạng thấp hơn liền kề, không yêu cầu giáo viên phải có minh chứng là các chứng chỉ tin học, ngoại ngữ đối với tiêu chuẩn về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Trường hợp tổ chức xét thăng hạng CDNN thì việc đánh giá yêu cầu khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo hướng dẫn về minh chứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT².

3. Về quy định thời gian giữ hạng tương đương

3.1. Trường hợp bổ nhiệm, chuyển xếp CDNN giáo viên tiểu học, trung học cơ sở từ hạng II cũ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TT-

¹ Khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành các Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên mầm non, phổ thông kèm theo các Quyết định số 2000/QĐ-BGDĐT, 2001/QĐ-BGDĐT, 2002/QĐ-BGDĐT, 2003/QĐ-BGDĐT.

² Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

BGDĐT-BNV, 22/2015/TT-BGDĐT-BNV sang hạng II mới theo quy định tại các Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT

a) Thời gian để được xét bổ nhiệm vào CDNN giáo viên tiểu học, trung học cơ sở hạng II mới bao gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc³, thời gian giữ các ngạch giáo viên, thời gian giữ CDNN giáo viên hạng III và hạng II và thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương khi thực hiện chuyển CDNN (không kể thời gian tập sự).

b) Ví dụ:

Giáo viên B hiện đang giữ CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11). Trước đây giáo viên B đã có 03 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở vị trí việc làm giáo viên trung học cơ sở, 02 năm giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở (mã số 15a.202) và có 02 năm giữ CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12). Sau khi trúng tuyển trong kỳ thăng hạng do địa phương tổ chức, giáo viên B được bổ nhiệm CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11), tính đến hiện tại đã có 02 năm giữ hạng. Như vậy, giáo viên B đã có tổng thời gian giữ CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) và hạng II (mã số V.07.04.11) hoặc tương đương đủ 09 năm và đủ điều kiện để được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31).

3.2. Đối với trường hợp giáo viên tiểu học, trung học cơ sở hạng III đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên CDNN giáo viên tiểu học, trung học cơ sở hạng II

a) Từ thời điểm giáo viên đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của cấp học, thời gian được xác định tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học, trung học cơ sở hạng III mới bao gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc⁴; thời gian giữ các ngạch giáo viên tương đương với hạng IV và hạng III; thời gian giữ CDNN giáo viên hạng IV và hạng III và thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương với hạng IV và hạng III khi thực hiện chuyển CDNN (không kể thời gian tập sự).

b) Ví dụ:

- Đối với cấp tiểu học: Tháng 11/2015, sau khi trúng tuyển và hoàn thành chế độ tập sự, giáo viên C (có trình độ trung cấp) được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09). Tháng 10/2022, giáo viên C hoàn thành chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục tiểu học và được cấp bằng cử nhân. Đồng thời, giáo viên C được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào CDNN giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT. Như vậy, kể từ ngày giáo viên C đạt trình độ đại học, thời gian giáo viên C giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09) từ

³ Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

⁴ Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

tháng 11/2015 đến tháng 10/2022 được xác định là tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29).

- Đối với cấp trung học cơ sở: Tháng 6/2012, sau khi trúng tuyển và hoàn thành chế độ tập sự, giáo viên D (có trình độ cao đẳng Sư phạm Ngữ văn) được bổ nhiệm vào ngạch giáo viên trung học cơ sở (mã số 15a.202). Tháng 12/2015 được bổ nhiệm vào CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV. Khi Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành, do giáo viên B chưa có trình độ đại học theo yêu cầu nên giáo viên D tiếp tục giữ CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12). Hiện tại, giáo viên B đang tham gia đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn theo lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của địa phương. Dự kiến tháng 8/2023 sẽ hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng cử nhân. Khi giáo viên B được cấp bằng cử nhân thì thời gian giáo viên D giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở (mã số 15a.202) và giữ CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) được xác định là tương đương với thời gian giữ CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32).

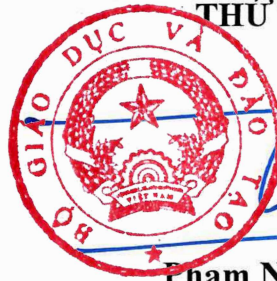
Trên đây là một số nội dung hướng dẫn liên quan đến việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn CDNN trong bổ nhiệm, xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông. Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nghiên cứu quy định tại các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT và một số nội dung hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn này để triển khai thực hiện việc bổ nhiệm CDNN và xếp lương giáo viên theo đúng quy định để bảo đảm quyền lợi cho đội ngũ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ (để p/h c/d);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo (để t/h);
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương